

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/8/2024  
Về việc "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lý Xuyên

Ông Cao Nho Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố PH, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Tiến A, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Tổ dân phố PH, phường CP, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông A có đơn đề nghị vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày: Bà và ông Trần Tiến A tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 26/7/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống hòa hợp, hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 4/2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Do ông bà không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; từ tháng 4/2024 ông bà không còn chung sống với nhau và 01 năm qua ông A không chu cấp nuôi dưỡng cho con. Mặc dù ông bà đã nhiều lần trao đổi nhằm giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không thể nào hòa hợp được với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà và ông A có 01 con chung Trần Bùi Đăng Q, sinh ngày 28/4/2023. Bà yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về A sản chung: Bà và ông A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

\* *Tại Đơn xin vắng mặt đề ngày 29/7/2024, ngày 19/8/2024, bị đơn ông Trần Tiến A trình bày:* Ông xin được phép xét xử vắng mặt vì lý do ông đang làm ăn xa và bị bệnh.

Về hôn nhân: Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, ông cố gắng khuyên giải vợ suy nghĩ lại nhưng bà T xem ông như kẻ thù, đòi thay đổi họ tên con, không tôn trọng gia đình ông. Bản thân ông không dính các tệ nạn xã hội, không có hành vi bạo lực vợ con nhưng bà T nhiều lần nhấn tin hoặc nói chuyện trực tiếp yêu cầu ông đồng ý ly hôn. Thời gian qua, ông đã suy nghĩ kỹ cuộc hôn nhân của ông bà không thể níu kéo được nữa nên ông quyết định thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

\* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bùi Thị T và ông Trần Tiến A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 26/7/2022 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn, bị đơn không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn đồng ý. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] *Về con chung:* Bà T yêu cầu được nuôi con chung Trần Bùi Đăng Q, sinh ngày 28/4/2023, ông A đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Q dưới 36 tháng tuổi nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông A đồng ý. Xét: Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đồng thời Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc ông A đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về A sản chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Bà T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng về “Ly hôn”. Ông A phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng về “Cấp dưỡng nuôi con”.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Trần Tiến A.
2. Về con chung: Giao con chung Trần Bùi Đăng Q, sinh ngày 28/4/2023 cho bà Bùi Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Tiến A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đồng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về A sản chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

4.1. Bà Bùi Thị T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004813 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Vậy, bà Bùi Thị T đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

4.2. Ông Trần Tiến A phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) về “Cấp dưỡng nuôi con”.

5. Quy định: Kể từ ngày bà Bùi Thị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Trần Tiến A không tự nguyện thi hành T hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự T người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bà Bùi Thị T, ông Trần Tiến A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hồng Công**